

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2024/DS-PT
Ngày 19 - 4 - 2024
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 886/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 502/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Bùi Xuân B, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T1, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T1, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 06/01/2018. (vắng mặt)

- Bị đơn:

1/. Bà Bùi Mỹ Ng, sinh năm 1946. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/. Ông Bùi Xuân H, sinh năm 1960. (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường Ph, khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh.

3/. Ông Bùi Hữu Ng, sinh năm 1970. (có mặt)

4/. Bà Bùi Phương D, sinh năm 1965. (có mặt)

5/. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1935. (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường Ph, khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị K: Ông Bùi Hữu Ng, sinh năm 1970; địa chỉ: đường Ph, khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2018. (có mặt)

6/. Ông Bùi Xuân Ph, sinh năm 1958; địa chỉ: đường Ph, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Bùi Ngọc A, sinh năm 1941; địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

2/. Bà Bùi Ngọc D1, sinh năm 1952; địa chỉ: đường H, Phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/. Anh Bùi Đăng Kh, sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố 5, cư xá N, đường Tr, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4/. Ông Bùi Xuân H1, sinh năm 1967; địa chỉ: đường Ph, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

5/. Ông Bùi Ngọc Th, sinh năm 1947; địa chỉ: C M G F - 33063, USA. (vắng mặt)

6/. Bà Bùi Phương Kh1, sinh năm 1953; địa chỉ: C M G F - 33063, USA. (vắng mặt)

7/. Bà Bùi Phương Tr, sinh năm 1970; địa chỉ: C M G F - 33063, USA. (vắng mặt)

8/. Ông Bùi Xuân Kh2, sinh năm 1963; địa chỉ: A - S M C, Japan. (vắng mặt)

9/. Chị Bùi Hồng H, sinh năm 1977. (vắng mặt)

10/. Chị Bùi Hồng H1, sinh năm 1986. (vắng mặt)

11/. Anh Bùi Hồng Ch, sinh năm 1979. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 9, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

12/. Ông Bùi Hải H2, sinh năm 1951; địa chỉ: W C W B R, F 33428, USA. (vắng mặt)

13/. Ông Bùi Xuân Tr, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp 7, xã A1, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

14/. Ông Huỳnh H3, sinh năm 1970. (vắng mặt)

15/. Anh Huỳnh Huệ Ph1, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường Ph, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh.

16/. Bà Trần Ngọc H2, sinh năm 1963. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

17/. Anh Bùi Xuân S, sinh năm 1990. (vắng mặt)

18/. Chị Trần Hoàng Phương Th, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường Ph, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Hoàng Phương Th, anh Bùi Xuân S:
Ông Bùi Xuân Ph, sinh năm 1958; địa chỉ: đường Ph, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2018 và ngày 16/3/2021. (có mặt)

19/. Bà Vũ Thị Th1, sinh năm 1965. (vắng mặt)

20/. Anh Bùi Tiến L, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường Ph, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh.

21/. Bà Thạch Thị Sa H3, sinh năm 1970; địa chỉ: đường Ph, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

22/. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1928 (chết năm 2016)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị C gồm:

22.1/. Ông Bùi Xuân H, sinh năm 1960. (có mặt)

22.2/. Bà Bùi Phương D, sinh năm 1965. (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường Ph, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh.

22.3/. Ông Bùi Xuân H1, sinh năm 1967; địa chỉ: đường Ph, phường 3, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

22.4/. Ông Bùi Ngọc Th, sinh năm 1947; địa chỉ: C M G F - 33063, USA. (vắng mặt)

22.5/. Bà Bùi Phương Kh1, sinh năm 1953; địa chỉ: C M G F - 33063, USA. (vắng mặt)

22.6/. Bà Bùi Phương Tr, sinh năm 1970; địa chỉ: C M G F - 33063, USA. (vắng mặt)

22.7/. Ông Bùi Xuân Kh2, sinh năm 1963; địa chỉ: A - S M C, Japan. (vắng mặt)

22.8/. Ông Bùi Hải H2, sinh năm 1951; địa chỉ: W C W B R, F 33428, USA. (vắng mặt)

23. 9/. Ông Bùi Xuân Tr, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp 7, xã A1, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- **Người kháng cáo:** Ông Bùi Xuân B, ông Bùi Xuân H, bà Bùi Phương D, ông Bùi Xuân Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Bùi Xuân B trình bày:

Cha ông Bùi Xuân B là cụ Bùi Xuân Tr (chết năm 1991) có hai người vợ: Người vợ thứ nhất là cụ Phạm Thị M (chết năm 1999) và người vợ thứ hai cụ Phạm Thị C (chết năm 2016), cụ M và cụ C đồng thời là hai chị em ruột với nhau.

Cụ M có 07 người con gồm: Bùi Ngọc A, Bùi Hữu T (chết) có vợ là bà Phạm Thị G, con là Bùi Đăng Kh; Bùi Mỹ Ng; Bùi Hữu D (chết) có vợ là bà Nguyễn Thị K và con là Bùi Hữu Ng; Bùi Ngọc D1; Bùi Xuân B; Bùi Xuân Ph.

Cụ Phạm Thị C (chết năm 2016) có 10 người con: Bùi Ngọc Th, Bùi Hải H2, Bùi Phương Kh1, Bùi Xuân Tr, Bùi Xuân H, Bùi Xuân Kh2, Bùi Phương D, Bùi Phương Tr, Bùi Xuân H1, Bùi Hồng H3 (chết) có vợ là Thái Thị M và 03 người con: Bùi Hồng H, Bùi Hồng Ch và Bùi Hồng H1.

Tài sản chung của 03 cụ để lại là căn nhà tường xây dựng cơ bản trên thửa đất số 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh và thửa đất số 25 do ông Bùi Xuân Ph đang sử dụng. Cụ Tr, cụ M và cụ C chết không để lại di chúc. Hiện nay trên thửa đất số 24 và 25 có các căn nhà của ông Bùi Xuân H, Bùi Xuân Ph, Bùi Phương D, bà Nguyễn Thị K và ông Bùi Hữu Ng. Nay ông Bùi Xuân B yêu cầu chia thừa kế căn nhà thờ số 24 và toàn bộ diện tích đất tại hai thửa 24 và 25, yêu cầu được hưởng một suất thừa kế giá trị bằng tiền theo quy định của pháp luật.

Đối với diện tích đất cụ M cho bà Bùi Phương D, ông Bùi Xuân Ph đã cất nhà ở là tài sản chung của cụ Tr và cụ M, khi cụ Tr chết đã phát sinh thừa kế, việc cụ M cho đất ông Ph và bà D không có sự thống nhất của các đồng thừa kế là không đúng quy định, nên yêu cầu nhập phần tài sản của cụ M cho ông Ph, bà D để chia thừa kế theo pháp luật. Ngoài ra, việc ông Ph yêu cầu hưởng thêm một suất thừa kế theo pháp luật là không phù hợp, nguyên đơn không đồng ý. Đối với toàn bộ tài sản trong căn nhà số 24 thì không yêu cầu chia, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Bùi Mỹ Ng trình bày: Bà Ng cũng thống nhất với ông Bùi Xuân B về các hàng thừa kế và tài sản yêu cầu chia thừa kế, thống nhất yêu cầu chia thừa kế như nguyên đơn ông Bùi Xuân B trình bày. Bà Ng cũng yêu cầu được hưởng một suất thừa kế do cha mẹ bà là cụ Tr và cụ M để lại với giá trị bằng tiền theo quy định của pháp luật. Đối với toàn bộ tài sản trong căn nhà số 24 thì không yêu cầu chia, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Bùi Xuân Ph trình bày: Ông thống nhất với nguyên đơn về các hàng thừa kế. Đối với nhà, đất tại thửa 24 và thửa số 25 đường Ph, Phường 3, thành phố Tr là của cha mẹ để lại, nhưng khi mẹ ruột là cụ Phạm Thị M còn sống có cho vợ chồng ông đất cất căn nhà để ở riêng diện tích là 30m² có làm văn bản ủy quyền vào năm 1994, sau đó ông đã kê khai tách thửa thành thửa 25 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng ông có đóng thuế cho Nhà nước hàng năm và ông đã cất nhà tường cơ bản ở từ năm 1996 và ở ổn định cho đến

nay, do hiện nay ông chỉ sử dụng 27m² nên ông yêu cầu được hưởng đủ 30m² như đúng nội dung đã được cụ M ủy quyền cho theo sự đồng thuận của các thừa kế là bà A, bà Ng, bà D, ông B. Nay ông B yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà số 24 mà ông H, bà D, ông Ng và bà K đang sử dụng thì ông cũng yêu cầu được hưởng một suất thừa kế đối với phần đất thửa số 24 bằng hiện vật (đất). Đối với toàn bộ tài sản trong căn nhà số 24 thì không yêu cầu chia, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Bùi Xuân H trình bày: Thống nhất với ông Bùi Xuân B về các hàng thừa kế và tài sản yêu cầu chia thừa kế. Ông được cha mẹ cho diện tích đất 29,1m² vào năm 1980, hiện nay ông đang cất nhà ở nên ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng. Ông cũng thống nhất nhà số 24 và thửa đất số 24, 25 tọa lạc tại số 24 Ph, Phường 3, thành phố Tr là tài sản của cha mẹ để lại. Đối với phần đất mà ông, ông Bùi Xuân Ph, bà Nguyễn Thị K và ông Bùi Hữu Ng, bà Bùi Phương D đang sử dụng là của cha mẹ cho nên không đồng ý nhập vào để chia thừa kế. Phần di sản do cụ C để lại ông không yêu cầu chia, yêu cầu giữ lại phần của cụ C để làm nơi thờ cúng ông bà. Nếu ông B yêu cầu chia thừa kế thì ông cũng yêu cầu được hưởng một suất thừa kế của cụ Tr để lại bằng hiện vật (đất). Riêng đối với căn nhà số 24 đã hết giá trị sử dụng, hiện mục nát nguy hiểm, nên yêu cầu phá bỏ, không định giá trị để chia mà chỉ chia đất. Đối với toàn bộ tài sản trong căn nhà số 24 thì không yêu cầu chia, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Bùi Phương D trình bày: Khi cụ M còn sống có cho bà phần đất diện tích 38m², hiện bà cất nhà ở diện tích 20,5m² nên bà yêu cầu được sử dụng đủ 38m² đất đã được cụ M cho. Đối với thửa đất số 25 mà ông Ph đang sử dụng, phần đất do bà K và ông Ng, ông H và bà đang sử dụng đã được cha mẹ cho riêng nên bà không đồng ý nhập vào khối tài sản chung để chia thừa kế. Đối với di sản do cụ C để lại không yêu cầu chia để làm nơi thờ cúng ông bà. Nếu ông Bùi Xuân B yêu cầu chia thừa kế nhà và đất tọa lạc tại số 24 Ph, Phường 3, thành phố Tr thì bà cũng yêu cầu được hưởng một suất thừa kế bằng hiện vật (đất). Đối với toàn bộ tài sản trong căn nhà số 24 thì không yêu cầu chia, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị K, ông Bùi Hữu Ng (ông Ng đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà K) trình bày: Mẹ ông là bà K (vợ ông Bùi Hữu D là cha ruột ông), khi ông bà nội mất bà K sống chung tại thửa 24 và được ông bà cho, cất một căn nhà lá trên thửa đất số 24 từ trước năm 1975 cho đến nay, nay ông và bà K yêu cầu được tiếp tục được sử dụng phần đất như đã được ông bà nội cho, còn căn nhà diện tích 30,6m² là tài sản của ông và mẹ ông. Nếu ông B yêu cầu chia thừa kế thì ông và bà K cũng yêu cầu được hưởng một suất thừa kế của cụ Tr và cụ M để lại bằng hiện vật (đất). Đối với diện tích 19,7m² là lối đi chung thuộc di sản của ông bà nội, ông và bà K đồng ý trả lại giá trị khi giải quyết xong việc chia thừa kế. Đối với toàn bộ tài sản trong căn nhà số 24 thì không yêu cầu chia.

- Về mối quan hệ huyết thống cha, con: Ông thật sự là con ruột của ông Bùi Hữu D, có giấy khai sinh với họ tên mẹ là Nguyễn Thị K và họ tên cha là Bùi Hữu D. Từ trước đến nay, ông cũng không nhận ai làm cha nuôi, việc ông Bùi Hải H2 có giấy khai sinh mà ông Bùi Xuân H cung cấp cho Tòa án thể hiện ông là con ông

H2 là do trước đây ông H2 đi lính chế độ cũ bị thương, lúc đó nghe mẹ ông nói lại còn nhỏ (mới sinh) và cha ông là ông D cũng chết cùng thời điểm ông sinh ra, nên ông H2 mới làm khai sinh xác định ông là con trên giấy khai sinh để được hưởng tiền trợ cấp của quốc gia chế độ cũ. Việc khai sinh này ông hoàn toàn không biết, ông chỉ có một người cha ruột duy nhất là ông Bùi Hữu D, ông không thừa nhận ông H2 là cha và chỉ gọi ông H2 bằng chú từ trước đến nay (kèm giấy khai sinh ông Ng cung cấp cho Tòa án).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân Tr trình bày: Nhà số 24 và thửa đất 24, 25 tọa lạc tại số 24 Ph, Phường 3, thành phố Tr là tài sản của cha mẹ ông bà để lại, ông yêu cầu được hưởng một suất thừa kế bằng hiện vật, còn phần thừa kế của cụ C để lại cho anh em cùng hưởng để làm nơi thờ cúng ông bà; đối với phần đất của ông Ph đang sử dụng thửa số 25 ông yêu cầu nhập vào khối tài sản chung để chia. Đối với nhà, đất của bà D, ông H, bà K, ông Ng được cha mẹ cho nên không yêu cầu chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Hồng Ch trình bày: Nhà số 24 và thửa đất 24, 25 tọa lạc tại số 24 Ph, Phường 3, thành phố Tr là tài sản của ông bà để lại, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho các thừa kế của ông Bùi Hồng H3 được hưởng một suất thừa kế bằng hiện vật. Đối với phần di sản do cụ C để lại anh Châu đồng ý để cho các đồng thừa kế cùng sở hữu. Đối với nhà, đất của ông H, ông Ph, bà D, bà K và ông Ng đang sử dụng không yêu cầu nhập vào để chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Hồng H và chị Bùi Hồng H1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc A và Bùi Ngọc D1 cùng có lời trình bày: Nhà số 24 và thửa đất 24, 25 tọa lạc tại số 24 Ph, Phường 3, thành phố Tr là di sản của cha mẹ để lại. Nếu ông Bùi Xuân B yêu cầu chia thừa kế thì bà A và bà D cũng xin hưởng một suất thừa kế của cụ Tr và cụ M để lại bằng giá trị theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G và ông Bùi Đăng Kh (thừa kế thế vị của ông Bùi Hữu T) cũng có ý kiến cho rằng yêu cầu chia thừa kế là phù hợp nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc Th trình bày: Nhà số 24 và thửa đất 24, 25 tọa lạc tại số 24 Ph, Phường 3, thành phố Tr là di sản của cha mẹ để lại. Đối với phần đất mà ông Bùi Xuân Ph, bà Bùi Phương D và ông Bùi Xuân H đang sử dụng là được cha mẹ cho. Riêng phần di sản do cụ Tr để lại ông cũng xin hưởng một suất thừa kế theo quy định của pháp luật nhưng do ông đang định cư Hoa Kỳ nên ông để lại suất thừa kế của ông cho ông Bùi Xuân H thay ông quản lý. Phần di sản do cụ Phạm Thị C để lại ông không yêu cầu chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Phương Kh1, bà Bùi Phương Tr cùng có ý kiến trình bày: Căn nhà số 24 và thửa đất 24, 25 tọa lạc tại số 24 Ph, Phường 3, thành phố Tr là di sản của cha mẹ để lại. Đối với phần đất mà ông Bùi

Xuân Ph, bà Bùi Phương D và ông Bùi Xuân H đang sử dụng là được cha mẹ cho nên không yêu cầu chia. Nếu ông B yêu cầu chia thừa kế thì hai bà cũng xin nhận một suất thừa kế bằng hiện vật đối với phần di sản thừa kế do cụ Tr và cụ C để lại, do bà Khanh và bà Trang đang định cư ở Hòa Kỳ nên giao cho ông Bùi Xuân H1 thay hai bà quản lý và gìn giữ phần tài sản này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân H1 trình bày: ông không có gia đình riêng, chỗ ở duy nhất của ông hiện nay là căn nhà thờ số 24, nếu được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật thì ông cũng yêu cầu được hưởng một suất thừa kế do cụ Tr để lại bằng hiện vật gắn liền với căn nhà để nhập vào phần diện tích đất của các anh em ông và phần di sản của cụ C để lại để giữ lại căn nhà số 24 làm chỗ ở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc H2, ông Bùi Xuân S: Thống nhất với ý kiến như ông Bùi Xuân Ph.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Hoàng Phương Th trình bày: Bà là vợ của ông Bùi Xuân S, thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của ông Bùi Xuân Ph, trong vụ án này bà không có yêu cầu gì, bà thống nhất ủy quyền lại cho ông Bùi Xuân Ph được toàn quyền thay mặt bà quyết định mọi vấn đề trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Th1, anh Bùi Tiến L: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Bùi Xuân H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2008/DSST ngày 09/9/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh (lần 1) tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của ông Bùi Xuân B.

Xác định tài sản gồm: Căn nhà lớn và thửa đất 24, thửa đất số 25 diện tích chung là 392,2m² là một phần di sản của cụ Bùi Xuân Tr và cụ Phạm Thị M để lại.

Công nhận diện tích đất 28,1m² thuộc thửa 25, tờ bản đồ số 5 và căn nhà số 24B ông Ph cất trên thửa 25, tọa lạc tại khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Bùi Xuân Ph.

Công nhận diện tích 21,7m² được tách ra từ thửa 24, tờ bản đồ số 5 và căn nhà số 24A do bà D cất trên phần đất, tọa lạc tại khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Bùi Phương D. Diện tích 21,7m² của bà D có vị trí, tứ cận: Đông giáp thửa 28, có số đo 6,0m; Tây giáp phần còn lại thửa 24, có số đo 5,0m; Nam giáp đường Ph, có số đo 4,0m; Bắc giáp thửa 27, có số đo 3,90m

Giao cho Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh kê biên phát mãi bán đấu giá căn nhà tường số 24 của cụ Bùi Xuân Tr, cụ Phạm Thị M, cụ Phạm Thị C cùng diện tích đất còn lại thuộc thửa 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh sau khi được khấu trừ chi phí bán đấu giá để chia giá trị cho các đồng thừa kế như sau:

- Chia cho cụ Phạm Thị C giá trị tiền tương đương diện tích đất 137,6m².

- Chia cho ông Bùi Ngọc Th, ông Bùi Hồng H3 (ông H3 chết có các đại diện thừa kế là Thái Thị M, Bùi Hồng H, Bùi Hồng Ch và Bùi Hồng H1), ông Bùi Hải H2, bà Bùi Phương Kh1, ông Bùi Xuân Tr, ông Bùi Xuân H, ông Bùi Xuân Kh2, ông Bùi Xuân H1 và bà Bùi Phương Tr mỗi người một suất thừa kế giá trị tiền tương đương diện tích đất 6,88m².

- Giao toàn bộ số tiền bán căn nhà cho ông Bùi Xuân H quản lý, sử dụng vào việc thờ cúng cụ Bùi Xuân Tr.

Buộc hộ bà Nguyễn Thị K, bà Bùi Mỹ Ng và hộ ông Bùi Xuân H phải di dời tài sản riêng thuộc sở hữu của mình ra khỏi nhà, đất tại số 24 để giao cho cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh kê biên, bán đấu giá.

Đề nghị Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định của bản án này khi đương sự có đơn yêu cầu.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 466/2008/DSPT ngày 28/11/2008, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh (lần 1) tuyên xử: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2008/DSST ngày 01/9/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh. Lý do hủy án : 2/3 các đồng thừa kế yêu cầu nhận hiện vật nhà đất, nhưng cấp sơ thẩm lại nhận định các đồng thừa kế không ai yêu cầu nhận hiện vật nên giao cho cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá toàn bộ nhà đất là chưa đảm bảo quyền lợi của các đương sự, căn nhà số 24 là di sản thừa kế của cụ Tr, cụ M các đồng thừa kế không thống nhất giao cho ông H cấp sơ thẩm lại tuyên giao cho ông H, không tuyên phân án phí các đương sự phải chịu trên phần tài sản thừa kế mà tuyên giao cho thi hành án căn cứ vào số tiền các đương sự được hưởng để tính án phí là không đúng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2012/DSST ngày 24/9/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh (lần 2) tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu chia thừa kế của ông Bùi Xuân B.

Xác định di sản thừa kế gồm: Căn nhà số 24 và đất thừa 24, 25 diện tích 386,4m² tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại đường Ph, khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh là một phần di sản của cụ Bùi Xuân Tr và cụ Phạm Thị M để lại.

Công nhận diện tích đất 27m² thuộc thửa 25, tờ bản đồ số 5 và căn nhà số 24B do vợ chồng ông Bùi Xuân Ph cất trên thửa 25, tọa lạc tại khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sở hữu và sử dụng của hộ ông Bùi Xuân Ph.

Công nhận diện tích 21,7m² được tách ra từ thửa 24, tờ bản đồ số 5 và căn nhà số 24A do vợ chồng bà Bùi Phương D cất trên phần đất tọa lạc tại khóm 3, phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sở hữu và sử dụng của hộ bà Bùi Phương D.

Cụ Phạm Thị C (trừ ông H và bà D) được quyền sử dụng phần đất có diện tích 309,102m² thửa 24 và căn nhà số 24 (Trong đó: phần của cụ C là 135,578m² và mỗi con của cụ C là 6,778m²: 8 = 54,224m²); cụ C có nghĩa vụ hoàn thối lại cho

6 người con của cụ Phạm Thị M gồm: Bùi Xuân B, Bùi Mỹ Ng, Bùi Ngọc A, Bùi Ngọc D1, Bùi Hữu T (ông Tâm chết có thừa kế là bà Phạm Thị G, ông Bùi Đăng Kh), ông Bùi Hữu D (ông D chết có thừa kế là bà Nguyễn Thị K, ông Bùi Hữu Ng) mỗi người là 298.250.000 đồng (giá trị đất) và 5.833.381 đồng (giá trị nhà) và ông Ph 5.833.381 đồng (giá trị căn nhà 24).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Xuân H được hưởng phần đất 29,1m² nằm chiết thửa 24.

Công nhận cho ông Bùi Xuân H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 29,1m² - 6,778m² (phần thừa kế của cụ Tr) = 22,322m².

Như vậy ông H có nghĩa vụ hoàn thôi lại 22,322m² cho 06 thừa kế của bà M (trừ ông Ph), mỗi người là 55.805.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị K và anh Bùi Hữu Ng có nghĩa vụ tháo dỡ căn nhà có diện tích 30,6m² tại thửa 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khóm 3, Phường 3, thành phố Tr để giao đất cho cụ C và 08 người con của cụ C (trừ bà D, ông H). Ông Ph được sử dụng 13m², bà D được sử dụng 11,3m², bà C và 08 người con (trừ bà D, ông H) được sử dụng 23,6m² vỉa hè trước cửa nhà mình được chia (có sơ đồ khu nhà đất và kèm theo Công văn số 112/VPĐKQSDĐ ngày 22/10/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên-môi trường tỉnh Trà Vinh và là bộ phận không thể tách rời của bản án này).

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 48/2015/DSST ngày 25/3/2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh (lần 2) đã tuyên xử: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh (lần 2), giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết lại sơ thẩm. Cấp sơ thẩm tuyên giao cho cụ C phần diện tích đất 309,102m² thửa 24 gắn với căn nhà số 24 phải hoàn trả giá trị cho các đồng thừa kế khác trong khi cụ C chỉ yêu cầu nhận phần tài sản và phần hưởng thừa kế của cụ Tr trong khi cụ C là người cao tuổi không có khả năng kinh tế để hoàn tiền lại, cần xét xét việc giao nhà đất cho cụ C và các con cụ C phần nào diện tích bao nhiêu, tứ cận cụ thể, phần đất nào có nhà...phần nhà, đất còn lại thì thuộc của các đồng thừa kế khác, các thừa kế không có nhu cầu nhận hiện vật xin nhận bằng tiền thì giao cho cơ quan thi hành án phát mãi, cần xác định diện tích cụ thể, lối đi riêng. Ngoài ra án sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị K, ông Bùi Hữu Ng tháo dỡ căn nhà diện tích 30,6m² một phần thửa 24 trong khi bà K và ông Ng xin nhận hiện vật, nên giao về cho cấp sơ thẩm đo vẽ lại xác định cụ thể từng phần nhà, đất theo yêu cầu của đương sự nếu yêu cầu đó phù hợp với pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh (lần 3) đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn yêu cầu chia thừa kế của ông Bùi Xuân B.
2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bùi Xuân Tr, cụ Phạm Thị M gồm có: Cụ Phạm Thị C, Bùi Ngọc A, Bùi Hữu T (chết) có thừa kế thế vị con là Bùi

Đăng Kh; bà Bùi Mỹ Ng, ông Bùi Hữu D (chết) có thừa kế thế vị con là Bùi Hữu Ng, bà Bùi Ngọc D1, ông Bùi Xuân B, ông Bùi Xuân Ph; ông Bùi Ngọc Th, ông Bùi Hồng H3 (chết) có 03 người con thừa kế thế vị: bà Bùi Hồng H, ông Bùi Hồng Ch và bà Bùi Hồng H1; ông Bùi Hải H2, bà Bùi Phương Kh1, ông Bùi Xuân Tr, ông Bùi Xuân H, ông Bùi Xuân Kh2, bà Bùi Phương D, bà Bùi Phương Tr, ông Bùi Xuân H1.

3. Xác định di sản thừa kế gồm: Căn nhà số 24 gắn liền diện tích đất 297,2m² thuộc tờ bản đồ số 5, đường Ph, khóm 3, Phường 3, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là di sản thừa kế của cụ Bùi Xuân Tr, cụ Phạm Thị M và cụ Phạm Thị C để lại.

4. Công nhận diện tích đất 40m² (trong đó có 14m² thuộc HLATĐB) thuộc thửa 25, tờ bản đồ số 5 và căn nhà số 36 (24B cũ) do vợ chồng ông Bùi Xuân Ph cất trên thửa 25, tọa lạc tại khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ ông Bùi Xuân Ph.

5. Công nhận diện tích 31,8m² (trong đó có 11,3m² thuộc HLATĐB) được chiết ra từ thửa 24, tờ bản đồ số 5 và căn nhà 24A do vợ chồng bà Bùi Phương D cất trên phần đất tọa lạc tại khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ bà Bùi Phương D.

6. Công nhận diện tích đất 30,6m² thuộc một phần thửa 24, tờ bản đồ số 5 do bà Nguyễn Thị K và anh Bùi Hữu Ng cất nhà trên thửa 24, tọa lạc tại khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ bà Nguyễn Thị K. Hộ bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng diện tích hẻm 19,7m² (trong đó có 3,6m² thuộc HLATĐB) để làm lối đi ra đường Ph.

7. Công nhận cho ông Bùi Xuân H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 29,1 m² được chiết ra từ thửa 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh, trên đất có căn nhà của ông Bùi Xuân H thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ ông Bùi Xuân H.

8. Ông Bùi Xuân H được quyền sử dụng căn nhà số 24 gắn liền với diện tích đất 277,5 m² thuộc thửa đất số 24 và căn nhà số 24 đường P, khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh.

(Vị trí kích thước của các diện tích đất nêu trên xem sơ đồ khu đất theo hiện trạng kèm theo công văn số 498/VPĐK ĐĐ-KT-D-C ngày 08/12/2016 của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh).

9. Ông Bùi Xuân H có nghĩa vụ thanh toán giá trị nhà, đất thừa kế cho bà Bùi Ngọc A, bà Bùi Mỹ Ng, ông Bùi Đăng Kh (thừa kế thế vị của ông Bùi Hữu T), bà Bùi Ngọc D1, ông Bùi Xuân B, ông Bùi Xuân Ph người mỗi người bằng 336.387.671 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi một đồng). Bùi Hữu Ng (thừa kế thế vị của Bùi Hữu D) 11.337.671 đồng (Mười một triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi một đồng).

Bà Bùi Hồng H, ông Bùi Hồng Ch, bà Bùi Hồng H1 (*thừa kế thế vị của Bùi Hồng H3*); ông Bùi Xuân Tr; bà Bùi Phương D mỗi phần bằng 88.544.399 đồng (*tám mươi tám triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi chín đồng*); ông Bùi Xuân H1 265.633.197 đồng (*hai trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn một trăm chín mươi bảy đồng*).

Trường hợp ông Bùi Xuân H không có khả năng hoàn lại số tiền cho các thừa kế thì các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi diện tích 277,5m² đất và căn nhà số 24 đường P, khóm 3, Phường 3, thành phố Tr để thi hành án. Sau khi thanh toán các phần tiền nêu trên, số tiền còn lại ông H được tiếp tục quản lý, các thừa kế của cụ Phạm Thị C có yêu cầu chia thừa kế phần thừa kế thì được giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên vị trí tứ cận thửa đất tranh chấp, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 318/2021/DSST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (lần 3) đã tuyên xử: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh (lần 3), giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết lại sơ thẩm. Lý do hủy án ở giai đoạn phúc thẩm ông Bùi Xuân H cung cấp bản trích lục bộ khai sanh án thế vì khai sinh Tòa sơ thẩm Vĩnh Bình ngày 14/4/1972 số 1305/NĐ do Công an thị xã Trà Vinh trích y bản chính ngày 27/8/1985 có cha là Bùi Hải H2 và mẹ là Lê Thị T, không phải là con của ông Bùi Hữu D và bà Nguyễn Thị K; đây là tình tiết mới cần xác định lại hàng thừa kế, nên hủy án sơ thẩm để xác minh làm rõ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022, Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 649, 650, 651, 652, 658, 660 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn yêu cầu chia thừa kế của ông Bùi Xuân B.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bùi Xuân Tr, cụ Phạm Thị M gồm có: Cụ Phạm Thị C (chết); bà Bùi Ngọc A; ông Bùi Hữu T (chết) có thừa kế thế vị con là anh Bùi Đăng Kh; bà Bùi Mỹ Ng; ông Bùi Hữu D (chết) có thừa kế thế vị con là ông Bùi Hữu Ng; bà Bùi Ngọc D1, ông Bùi Xuân B, ông Bùi Xuân Ph; ông Bùi Ngọc Th; ông Bùi Hồng H3 (chết) có 03 người con thừa kế thế vị: Chị Bùi Hồng H, anh Bùi Hồng Ch và anh Bùi Hồng H1; ông Bùi Hải H2; bà Bùi Phương Kh1; ông Bùi Xuân Tr; ông Bùi Xuân H, ông Bùi Xuân Kh2; bà Bùi

Phương D; bà Bùi Phương Tr; ông Bùi Xuân H1.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị C gồm: Ông Bùi Ngọc Th, ông Bùi Hải H2, ông Bùi Phương Kh1, ông Bùi Xuân Tr, ông Bùi Xuân H, ông Bùi Xuân Kh2, bà Bùi Phương D, bà Bùi Phương Tr, ông Bùi Xuân H1, thừa kế thế vị của ông Bùi Hồng H3 gồm chị Bùi Hồng H, anh Bùi Hồng Ch và chị Bùi Hồng H1.

4. Xác định di sản thừa kế gồm: Căn nhà số 24 gắn liền diện tích đất 297,2m² thuộc tờ bản đồ số 5, đường Ph, khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh là di sản thừa kế của cụ Bùi Xuân Tr, cụ Phạm Thị M và cụ Phạm Thị C để lại.

5. Công nhận diện tích đất 40m² (trong đó có 14m² thuộc hành lang an toàn đường bộ) thuộc thửa 25, tờ bản đồ số 5 và căn nhà số 36 (24B cũ) do vợ chồng ông Bùi Xuân Ph cất trên thửa 25, tọa lạc tại khóm 2, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ ông Bùi Xuân Ph.

6. Công nhận diện tích 31,8m² (trong đó có 11,3m² thuộc hành lang an toàn đường bộ) được chiết ra từ thửa 24, tờ bản đồ số 5 và căn nhà 24A do vợ chồng bà Bùi Phương D cất trên phần đất tọa lạc tại khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ bà Bùi Phương D.

7. Công nhận diện tích đất 30,6m² thuộc một phần thửa 24, tờ bản đồ số 5 do bà Nguyễn Thị K và anh Bùi Hữu Ng cất nhà trên thửa 24, tọa lạc tại khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ bà Nguyễn Thị K. Hộ bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng diện tích hẻm 19,7m² (trong đó có 3,6m² thuộc hành lang an toàn đường bộ) để làm lối đi ra đường Ph.

8. Công nhận cho ông Bùi Xuân H được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 29,1m², được chiết ra từ thửa 24, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh, trên đất có căn nhà của ông Bùi Xuân H thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ ông Bùi Xuân H.

9. Ông Bùi Xuân H được quyền sử dụng căn nhà số 24 gắn liền với diện tích đất 297,2m² thuộc thửa đất số 24 và căn nhà số 24 đường P, khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh,

Trong đó: Tạm giao phần di sản của cụ C gồm đất diện tích 104,27m² (thành tiền bằng 4.587.880.000 đồng) và giá trị căn nhà (phần di sản thừa kế của cụ C bằng 91.778.097 đồng cho ông Bùi Xuân H quản lý và gìn giữ, nếu các đồng thừa kế của cụ C có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

(Sơ đồ khu đất theo hiện trạng kèm theo Công văn số 498/VPĐK ĐĐ- KT-D-C ngày 08/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh).

10. Ông Bùi Xuân H có nghĩa vụ thanh toán giá trị nhà, đất thừa kế cho bà Bùi Ngọc A, bà Bùi Mỹ Ng, anh Bùi Đăng Kh (thừa kế thế vị của ông Bùi Hữu T), bà Bùi Ngọc D1, ông Bùi Xuân B, ông Bùi Xuân Ph mỗi người được hưởng bằng

902.100.060 đồng. Ông Bùi Hữu Ng (thừa kế thế vị của Bùi Hữu D) hưởng 35.300.809 đồng.

Chị Bùi Hồng H, anh Bùi Hồng Ch, anh Bùi Hồng H1 (thừa kế thế vị của Bùi Hồng H3); ông Bùi Xuân Tr; bà Bùi Phương D mỗi phần bằng 233.828.904 đồng; ông Bùi Xuân H1 701.483.712 đồng (gồm 03 suất: 01 suất của ông H1 và quản lý giùm 02 suất gồm bà Trang, bà Khanh).

Trường hợp ông Bùi Xuân H không có khả năng hoàn lại số tiền cho các thừa kế thì các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi diện tích 297,2m² đất và căn nhà số 24 đường P, khóm 3, phường 3, thành phố Tr để thi hành án.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất theo nội dung của bản án này.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/10/2022, ông Bùi Xuân B, ông Bùi Xuân H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 29/3/2023, ông Bùi Xuân B có đơn xin rút lại toàn bộ kháng cáo.

Ngày 05/10/2022, ông Bùi Xuân Ph có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án công nhận cho ông quyền sử dụng đất 30m² là tài sản riêng của ông; chia cho ông được hưởng thừa kế của cha mẹ để lại tại thửa đất số 24, nhà số 24 đường Ph theo quy định pháp luật. Bà Bùi Phương D có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Xuân H, ông Bùi Xuân Ph, bà Bùi Phương D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Bùi Xuân H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, không gửi bản án cho đương sự làm cho đương sự không kháng cáo được. Nội dung bản án vi phạm pháp luật nên đề nghị hủy án để xét xử lại.

Bà Bùi Phương D cho rằng cụ M cho bà 38m² đất; đề nghị phần đất của bà được công nhận đủ.

Ông Bùi Xuân Ph cho rằng năm 1994 mẹ ông cho hai vợ chồng ông diện tích đất 30m², do Tòa án cấp sơ thẩm đo thiếu 3m² nên đất công nhận cho ông sử dụng bị thiếu; đề nghị được công nhận đủ 30m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Xuân B, ngày 4/10/2022, ông B nộp đơn kháng cáo, đến ngày 29/3/2023 ông B có đơn xin rút đơn kháng cáo nên căn cứ quy định tại Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông B. Đối với kháng cáo về giá trị quyền sử dụng đất, nếu các đương sự có yêu cầu định giá lại thì xem xét chấp nhận để có cơ sở giải quyết yêu cầu chia thừa kế ở cấp phúc thẩm. Đối với kháng cáo của ông H, bà D cho rằng ông Ng không phải là con của ông D, bà K nên không được hưởng thừa kế thế vị. Theo Biên bản ghi lời khai ngày 27/6/2022 của ông Bùi Hữu Ng, bà Nguyễn Thị K và tại phiên tòa sơ thẩm, các đồng thừa kế đều xác nhận ông Ng là con của ông Bùi Hữu D nên có cơ sở xác định ông Bùi Hữu Ng là con ruột của ông Bùi Hữu D và bà Nguyễn Thị K. Đối với kháng cáo của ông Ph cho rằng, hiện nay ông chỉ sử dụng 27m² và yêu cầu được hưởng đủ 30m² như đúng nội dung đã được cụ M ủy quyền cho đất năm 1994. Xét thấy, hiện ông Ph chưa đăng ký quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên, ông Ph đã cất nhà cơ bản trên diện tích đã sử dụng, hơn nữa liền kề nhà ông Ph là nhà đất của người khác nên yêu cầu kháng cáo của ông Ph là không có căn cứ. Đối với kháng cáo bà D cho rằng trước đây cụ M có ủy quyền cho bà phần đất có diện tích 38m², nhưng thực tế bà chỉ sử dụng 21,5m² nên đề nghị các con của cụ M trả lại giá trị quyền sử dụng đất đối với phần đất còn thiếu, tuy nhiên bà D chưa tiến hành đăng ký quyền sử dụng đất và xung quanh phần đất của bà D là phần đất của người khác nên yêu cầu kháng cáo của bà D là không có căn cứ. Do diện tích 297,2m² đất gắn liền với căn nhà số 24 không thể chia bằng hiện vật, ông Hoàng, bà Ng không có khả năng thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế nên Tòa án cấp sơ thẩm giao căn nhà và đất số 24 cho ông H là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Bùi Xuân H, bà Bùi Phương D và ông Bùi Xuân Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Bùi Xuân H, ông Bùi Xuân Ph, bà Bùi Phương D làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với ông Bùi Xuân B, ngày 04/10/2022, ông B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 29/3/2023, ông Bùi Xuân B có đơn xin rút lại toàn bộ kháng cáo. Việc rút kháng cáo của ông B là tự nguyện, khcụ Trái quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Bùi Xuân B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự trong vụ án đều thống nhất xác định căn nhà số 24 đường P, khóm 3, Phường 3, thành phố Tr nằm trên thửa đất số 24 và thửa đất số 25 cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khóm 3, Phường 3, thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh là tài sản do cụ Bùi Xuân Tr, cụ Phạm Thị M và cụ Phạm Thị C tạo lập. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/10/2016 và sơ đồ hiện trạng sử dụng khu đất (kèm theo Công văn số 498/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 08/12/2016) thì tổng diện tích thửa đất là 428,7m². Trong đó, ông Bùi Xuân H đang sử dụng diện tích 29,1m²; bà Bùi Mỹ Ngọc và ông Bùi Xuân H1 đang sử dụng căn nhà số 24 diện tích 277,5m²; bà Bùi Phương D sử dụng diện tích 31,8m²; ông Bùi Hữu Ng và bà Nguyễn Thị K đang sử dụng diện tích 50,3m² (nhà ở 30,6m² và đường đi vào nhà ông Bùi Hữu Ng 19,7m²); ông Bùi Xuân Ph đang sử dụng thửa số 25 diện tích 40m².

Đối với phần diện tích đất ông H, bà Ng, bà D, ông Ng đang sử dụng; các ông bà cho rằng đã được cụ Tr, cụ M cho từ khi còn sống, sử dụng ổn định đến nay nên không còn là di sản của cụ Tr, cụ M, cụ C. Xét thấy, năm 1980 cụ Tr cho ông H phần đất diện tích 29,1m² và cho bà D phần đất diện tích 31,8m² để cất nhà; năm 1989 cụ Tr và cụ M cho ông Ph phần đất để cất nhà thực đo 40m². Đến năm 1994 cụ M làm văn bản ủy quyền cho ông Ph phần đất diện tích 30m², năm 1999 cụ M có văn bản ủy quyền cho bà D phần đất diện tích 30,8m². Đối với phần diện tích đất do bà K và ông Ng sử dụng 30,6m² đã được cụ Tr cho ở từ trước năm 1975. Việc chia đất các đồng thừa kế của cụ Tr, cụ C và cụ M biết và không ai có ý kiến phản đối hay tranh chấp. Quá trình xét xử sơ thẩm các đồng thừa kế đều xác định việc cụ Tr, cụ M và cụ C đã cho ông Ph, ông H, bà D, ông Ng và bà K; chỉ riêng bà Hà đại diện cho ông B không thừa nhận việc này; tuy nhiên hiện ông B đã đồng ý với nhận định của Tòa sơ thẩm, rút lại kháng cáo. Tòa án sơ thẩm công nhận cho ông H, bà Ng, bà D, ông Ng sử dụng các phần đất trên và xác định di sản thừa kế của cụ Tr, cụ M và cụ C còn lại diện tích đất 297,2m², tương ứng mỗi cụ 99,06m² là có căn cứ.

Bà D kháng cáo cho rằng được cụ M cho phần diện tích đất 38m²; ông Ph kháng cáo cho rằng được cụ M cho diện tích đất 30m². Tuy nhiên, hiện nay bà D, ông Ph vẫn không tiến hành đăng ký kê khai quyền sử dụng đất; phần nhà đất bà D sử dụng thực tế 31,8m² và ông Ph sử dụng thực tế 27m² hiện tiếp giáp với nhà đất của người khác nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận cho bà D, ông Ph được sử dụng đất theo diện tích đo đạc thực tế là phù hợp. Nội dung kháng cáo này của bà D, ông Ph không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về hàng thừa kế: Cụ Bùi Xuân Tr (chết 1991), cụ Phạm Thị M (chết năm 1999), cụ Phạm Thị C (chết năm 2016).

Cụ Tr và cụ M có 07 người con chung gồm: Bùi Ngọc A; Bùi Hữu T (chết năm 1975) có con thừa kế thế vị là Bùi Đăng Kh; Bùi Mỹ Ng; Bùi Hữu D (chết năm 1970) có con thừa kế thế vị là Bùi Hữu Ng; Bùi Ngọc D1; Bùi Xuân B; Bùi Xuân Ph.

Cụ Tr và cụ C có 10 người con chung gồm: Bùi Ngọc Th; Bùi Hồng H3 (chết năm 1991) có 03 người con thừa kế thế vị: Bùi Hồng H, Bùi Hồng Ch và Bùi Hồng H1; Bùi Hải H2; Bùi Phương Kh1; Bùi Xuân Tr; Bùi Xuân H; Bùi Xuân Kh2; Bùi Phương D; Bùi Phương Tr; Bùi Xuân H1.

Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tr có 19 người, gồm cụ M, cụ C và 17 người con. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ M có 07 người con và hàng thừa kế thứ nhất của cụ C có 10 người con.

Bà Bùi Phương D, ông Bùi Xuân H cho rằng căn cứ vào bản trích lục bộ khai sinh án thế vì khai sinh Tòa sơ thẩm Vĩnh Bình ngày 14/4/1972 số 1305/NĐ do Công an thị xã Trà Vinh trích y bản chính ngày 27/8/1985 thì ông Bùi Hữu Ng không phải là con của ông Bùi Hữu D, bà Nguyễn Thị K. Xét thấy, ông Ng khẳng định từ trước đến nay ông không nhận ai làm cha nuôi, việc ông Bùi Hải H2 có giấy khai sinh mà ông Bùi Xuân H cung cấp cho Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông là con ông H2, nguyên do trước đây ông H2 đi lính chế độ cũ bị thương, nên ông H2 mới làm khai sinh xác định ông là con trên giấy khai sinh để được hưởng tiền trợ cấp của quốc gia chế độ cũ. Việc khai sinh này ông hoàn toàn không biết, ông chỉ có một người cha ruột duy nhất là ông Bùi Hữu D. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2022 của bà Nguyễn Thị K (mẹ ruột của ông Ng) khẳng định ông Bùi Hữu D là chồng bà K, bà với ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1970, có một người con chung duy nhất là Bùi Hữu Ng sinh năm 1970. Tại phiên tòa sơ thẩm các đồng thừa kế khác đều xác định ông Ng con của ông Bùi Hữu D nên có đủ cơ sở xác định ông Bùi Hữu Ng là con ruột của Bùi Hữu D và bà Nguyễn Thị K. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế của cụ Tr, cụ M, cụ C như đã nêu trên là có căn cứ. Nội dung kháng cáo của ông H, bà D về hàng thừa kế là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về chia di sản thừa kế:

Cụ Tr có 17 người con và 02 người vợ nên tài sản của cụ Tr để lại cho 19 người mỗi người được hưởng là $5,21\text{m}^2$ ($99,06\text{m}^2 : 19 = 5,21\text{m}^2$).

Phần thừa kế của các con cụ M được hưởng là $104,27\text{m}^2$ ($5,21\text{m}^2$ thừa kế của cụ Tr + $99,06\text{m}^2$ phần cụ M). Cụ M có 07 người con, mỗi người được hưởng $14,89\text{m}^2$ ($104,27\text{m}^2 : 07 = 14,89\text{m}^2$).

Như vậy, bà Bùi Ngọc A, bà Bùi Mỹ Ng, ông Bùi Đăng Kh (thừa kế thế vị của Bùi Hữu T), ông Bùi Hữu Ng (thừa kế thế vị của Bùi Hữu D), bà Bùi Ngọc D1, ông Bùi Xuân B, ông Bùi Xuân Ph mỗi người được hưởng là $20,1\text{m}^2$ ($14,89\text{m}^2$ phần hưởng của cụ M + $5,21\text{m}^2$ phần hưởng thừa kế của cụ Tr).

Riêng đối với ông Bùi Hữu Ng đang sử dụng theo hiện trạng là đường hẻm làm lối đi ra đường Ph có diện tích $19,7\text{m}^2$ trước đây cũng thuộc thừa 24 nên cũng được nhập vào để làm di sản chia thừa kế, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Ng được hưởng giá trị suất thừa kế thêm $0,4\text{m}^2 \times 44.000.000$ đồng = $17.600.000$ đồng là phù hợp.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 297,2m² đất thừa kế gắn liền với căn nhà số 24 hiện nay là nhà ba gian, xây dựng cơ bản, theo lối kiến trúc cổ, bên trong nhà cột gỗ, diềm chạm hoa văn, máy lợp tôn, giá trị sử dụng còn kiên cố lâu dài, phía trước nhà chỉ còn một khoảng sân trước diện tích nhỏ và sân nước là đất trống, các phòng của căn nhà liên kết nhau nên không thể chia tách rời để chia theo từng phần bằng đất được, nếu chia thì không có lối đi và phải tháo dỡ các phòng của căn nhà chính làm hư hỏng căn nhà. Ông H, bà Ng, ông H1 hiện tại đang quản lý, sử dụng căn nhà; ông H1 bà Ng đã lớn tuổi, không có thu nhập ổn định nên không có khả năng thanh toán giá trị lại cho các thừa kế khác. Ông H có vợ con và được các thừa kế khác giao quản lý sử dụng nhà đất nhiều hơn và các anh chị em ở nước ngoài cũng về nghỉ tại căn nhà trên nên giao cho ông Bùi Xuân H quản lý tài sản và buộc là ông H phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho các thừa kế của cụ M giá trị quyền sử dụng đất được hưởng là phù hợp. Mặt khác, phần nhà đất tranh chấp còn có phần di sản của cụ C để lại (gồm tài sản của cụ C tại nhà đất và phần thừa kế cụ C được hưởng từ cụ Tr); các thừa kế của cụ C yêu cầu xin hưởng một suất thừa kế do cụ Tr để lại bằng hiện vật (đất) gắn liền với phần nhà giao cho Bùi Xuân H quản lý và đa phần thừa kế của cụ C có ý kiến giao cho ông H quản lý nên việc Tòa sơ thẩm giao nhà đất cho ông H là phù hợp, có căn cứ.

Trường hợp ông Bùi Xuân H không có khả năng hoàn lại giá trị phần thừa kế cho các thừa kế khác thì các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi diện tích 297,2m² đất và căn nhà số 24 đường P, khóm 3, phường 3, thành phố Tr để thi hành án theo tỷ lệ đã được phân chia của bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo cho rằng giá trị tài sản không đúng với giá trị thực tế, thấy rằng việc trưng cầu định giá của Tòa án cấp sơ thẩm được thực hiện đúng quy định pháp luật. Trường hợp các đương sự có căn cứ cho rằng giá trị tài sản có sự thay đổi chênh lệch tăng hoặc giảm so với thời điểm xét xử sơ thẩm thì có quyền yêu cầu định giá lại tài sản trong quá trình thi hành án theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, đã đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự. Ông H, bà D kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D, ông H, ông Ph; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Xuân H, ông Bùi Xuân Ph, bà Bùi Phương D phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông H, ông Ph là người cao tuổi nên được miễn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 298, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Bùi Xuân B.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Xuân H, ông Bùi Xuân Ph, bà Bùi Phương D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Phương D phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012887 ngày 12/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh vào phần án phí phải chịu. Ông Bùi Xuân H, ông Bùi Xuân Ph được miễn.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- ĐS (29);
- Lưu VP(3), HS(2).38b.NTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng

